

Số: 297/BC-UBND

Việt Yên, ngày 10 tháng 8 năm 2018

## BÁO CÁO

### Công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện Việt Yên

Thực hiện Thông báo số 102/TB-TNMT ngày 20/7/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kiểm tra công tác quản lý nhà nước về đất đai tại các huyện, thành phố. UBND huyện Việt Yên báo cáo công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện như sau:

#### I. ĐÁNH GIÁ CHUNG TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh (Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 10/4/2018, Kế hoạch số 273/KH-UBND ngày 25/11/2016; Văn bản số 2047/UBND-TN ngày 26/6/2018; Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 18/9/2017; Báo cáo số 66/BC-UBND ngày 06/9/2017 ...) UBND huyện đã kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện như:

- Đối với công tác cấp giấy chứng nhận: Công văn số 1671/UBND-TNMT ngày 12/10/2017 chỉ đạo các xã triển khai thực hiện một số nội dung trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai (gồm nội dung về công tác cấp giấy chứng nhận QSDĐ và công tác quản lý quỹ đất công ích); Kế hoạch số 152/KH-UBND ngày 13/11/2017 để chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 04/CT-UBND, Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 31/01/2018 giao chỉ tiêu cụ thể công tác đăng ký đất đai, cấp GCN QSD đất cho từng xã, thị trấn năm 2018; Ban hành phương án số 08/PA-UBND ngày 24/4/2018 xử lý tháo gỡ cấp GCN QSD đất cho các thửa đất được quy hoạch giao đất ở những năm trước nhưng chưa được cấp GCN QSD đất; Công văn số 1225/UBND-TNMT ngày 07/8/2018 về tăng cường công tác cấp GCN QSD đất và quản lý việc chuyển mục đích sử dụng đất.

- Đối với công tác quản lý đất công ích: Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 05/3/2014 về việc quản lý, sử dụng đất công ích (đất 5%) trên địa bàn huyện; Công văn số 994/UBND-VP ngày 23/6/2017 về việc quản lý, sử dụng quỹ đất công ích trên địa bàn huyện. Chủ tịch UBND huyện đã giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Phòng Tài chính và Kế hoạch, Chi cục thuế và UBND các xã, thị trấn kiểm tra, rà soát tình hình sử dụng đất công ích, thường xuyên đôn đốc các xã, thị trấn trong việc quản lý, xử lý, xác lập quỹ đất công ích. UBND huyện chỉ đạo các xã, thị trấn xử lý thu hồi các diện tích đất đã cho thuê, mượn, lấn chiếm trái phép và lập hồ sơ quản lý đất công ích.

- Đối với công tác dồn điền, đổi thửa: Kế hoạch số 171/KH-UBND ngày 30/12/2016 về thực hiện dồn điền, đổi thửa gắn với xây dựng cánh đồng mẫu giai đoạn 2017-2018 trên địa bàn huyện. Đồng thời giao Phòng Tài nguyên và Môi trường đôn đốc UBND các xã (được giao diện tích thực hiện dồn điền đổi thửa năm 2017-2018 theo Kế hoạch số 171/KH-UBND) chỉ đạo tổ chức rà soát,

hợp nhân dân và cấp ủy Đảng, BLD thôn để thống nhất chủ trương và đảm bảo tiến độ, quy trình thực hiện dồn điền đổi thửa.

Quá trình chỉ đạo thực hiện, UBND huyện chỉ đạo giao cho các cơ quan chuyên môn tham mưu kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn các xã, thị trấn giải quyết các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện, gắn nội dung chỉ đạo cấp GCN QSD đất nói riêng và quản lý đất đai nói chung tại hội nghị giao ban Chủ tịch, các PCT UBND huyện hàng tháng.

- Quán triệt chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, các xã, thị trấn tăng cường công tác quản lý đất đai thực hiện tốt sự chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 2047/UBND-TN ngày 26/6/2018: Rà soát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hoàn thành việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, hạn chế việc điều chỉnh, bổ sung sau quy hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Thường xuyên rà soát, cập nhật các công trình dự án để trình UBND tỉnh điều chỉnh hoặc hủy bỏ các dự án, công trình đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận có trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm mà đã quá 03 năm không thực hiện theo quy định của pháp luật; Tăng cường kêu gọi, huy động các nguồn lực, vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân để thực hiện các dự án có sử dụng đất, đầu tư cơ sở hạ tầng; Chấn chỉnh và xử lý nghiêm các trường hợp giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp GCN QSDĐ, việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai không đúng quy định của pháp luật; Rà soát các trường hợp chưa được cấp giấy chứng nhận, làm rõ nguyên nhân và có kế hoạch giải quyết dứt điểm, tập trung công tác cấp GCN QSDĐ sau dồn điền, đổi thửa, sau đo đạc bản đồ địa chính cho các hộ gia đình, cá nhân; Kiểm tra, rà soát quỹ đất công ích để lập hồ sơ quản lý, thực hiện đo đạc bản đồ địa chính, đo đạc sau dồn điền tách riêng diện tích đất công ích để lẫn với đất giao cho các hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài, thực hiện kê khai đăng ký vào sổ địa chính để quản lý; Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đai; tập trung giải quyết các tranh chấp, khiếu kiện đông người, kéo dài; kịp thời phát hiện, xử lý giải quyết triệt để các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai.

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHỮNG NỘI DUNG CỤ THỂ

### 1. Công tác cấp Giấy chứng nhận QSDĐ ở lần đầu

- Tổng số thửa đất chưa cấp GCN lần đầu là 2109 thửa, gồm:

+ 1459 thửa đất không có vướng mắc, vận dụng cấp được theo quy định hiện hành.

+ 250 trường hợp vướng mắc nhưng đã được hướng dẫn tháo gỡ tại chi thị 04 của Chủ tịch UBND tỉnh.

+ 410 trường hợp vướng mắc chưa được tháo gỡ (*17 trường hợp có nguồn gốc đổi cho tập thể làm đường, hồ chứa nước, xây dựng đường gom khu công nghiệp Quang Châu; 393 trường hợp giao trái thẩm quyền không thu tiền sử dụng đất, không có giấy tờ hoặc không còn lưu trữ được giấy tờ về việc nộp tiền*).

- Đối với 2109 thửa đất chưa cấp GCN chia theo các nhóm nguồn gốc:

+ Theo quyết định giao của UBND huyện, UBND tỉnh: 672 thửa (*gồm các trường hợp: có quyết định giao nhưng không có danh sách kèm quyết định, giao đất trên thực địa không đúng đối tượng, không đúng lô đất,...*).

+ Giao trái thẩm quyền: 886 thửa (một số hộ không còn giữ được các giấy tờ chứng minh việc nộp tiền sử dụng đất, có giấy tờ giao nhưng trên giấy tờ không thể hiện đủ các thông tin về vị trí, diện tích lô đất được giao, khoảng cách đảm bảo hành lang bảo vệ các công trình đường mương, hoặc các trường hợp quy đổi diện tích hoàn thành tiền sử dụng đất, diện tích còn lại phải nộp tiền sử dụng đất tại thời điểm cấp GCN các hộ không nhất trí việc nộp tiền).

+ Đồi đất: 17 thửa (việc đồi đất các hộ không giữ được giấy tờ chứng minh hoặc giấy tờ không thể hiện rõ ràng các thông tin thửa đất).

+ Lấn chiếm: 17 thửa (việc lấn chiếm trước ngày 01/7/2014, phải xử lý thu tiền sử dụng đất các hộ chưa đồng thuận, một bộ phận nhân dân không đồng ý việc xử lý cấp GCN cho các trường hợp vi phạm).

+ Tự ý chuyển mục đích sử dụng đất: 95 thửa (vi phạm trước ngày 01/7/2014, phải xử lý thu tiền sử dụng đất các hộ chưa đồng thuận).

+ Đất sử dụng ổn định không có giấy tờ: 368 thửa (nguồn gốc đất sử dụng ổn định, tuy nhiên hiện trạng sử dụng đất có biến động so với bản đồ địa chính, hộ gia đình cũng chưa chủ động kê khai).

+ Chưa rõ nguồn gốc: 72 thửa (chủ sử dụng đất chưa kê khai).

- Trong tổng 2109 thửa, đã kê khai đăng ký là 1287/2109 thửa, đã cấp giấy chứng nhận là 76/1287 thửa kê khai (chi tiết tại biểu 01 kèm theo).

## **2. Về công tác dồn điền đổi thửa**

### **2.1. Kết quả thực hiện dồn điền, đổi thửa theo Kế hoạch số 273/KH-UBND ngày 25/11/2016 của UBND tỉnh**

Theo kế hoạch 273/KH-UBND ngày 25/11/2016 của UBND tỉnh về việc dồn điền, đổi thửa xây dựng cánh đồng mẫu trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2017-2018, huyện Việt Yên được giao chỉ tiêu thực hiện với diện tích 750,0 ha (năm 2017 thực hiện 350,0 ha, năm 2018 thực hiện 400,0 ha). Ngày 30/12/2016 UBND huyện Việt Yên đã ban hành Kế hoạch số 171/KH-UBND về thực hiện dồn điền, đổi thửa gắn với xây dựng cánh đồng mẫu giai đoạn 2017-2018 trên địa bàn huyện. Theo đó, năm 2017-2018 toàn huyện sẽ thực hiện dồn điền, đổi thửa 775,3 ha trên địa bàn của 16 thôn 9 xã (374,5 ha thực hiện năm 2017; 400,8 ha thực hiện năm 2018). Kết quả thực hiện đến nay như sau:

- 02 thôn trên địa bàn 02 xã là thôn Kim Sơn xã Tiên Sơn và thôn Chằm xã Thượng Lan năm 2017 đã giao đất xong trên thực địa và nghiệm thu thanh quyết toán kinh phí với diện tích 146,97 ha (đạt  $146,97ha/350ha = 42%$  kế hoạch UBND tỉnh giao và đạt  $146,97ha / 374,5 ha = 40%$  kế hoạch UBND huyện xây dựng).

- 02 thôn đã giao ruộng xong năm 2017 với diện tích khoảng 115 ha và đang lập hồ sơ nghiệm thu (thôn Đổng Mối, xã Hương Mai và thôn Hạ, xã Thượng Lan).

- 02 thôn với diện tích khoảng 55,3 ha không thực hiện được chuyển thôn khác (thôn Đông và Xuân Lâm- xã Tư Lạn, chuyển sang thôn Quế Võ - xã Tư Lạn). Đến nay, thôn Quế Võ với diện tích 25,67 ha đã cơ bản thi công xong đường mương; giao ruộng xong trên thực địa; đang hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu và đề nghị cấp kinh phí tạm ứng.

- 10 thôn với diện tích 544,3 ha không thực hiện được (thôn Bói, xã Thượng Lan; thôn Tăng Quang xã Bích Sơn; thôn Quả và thôn Ái Quang xã Trung Sơn; thôn Thượng Lát, xã Tiên Sơn; thôn Cao Lôi xã Ninh Sơn; thôn Thiết Nham xã Minh Đức; thôn Tam Hợp xã Hương Mai; thôn Yên Sơn và thôn Me xã Nghĩa Trung).

(Chi tiết theo biểu 02 kèm theo)

## **2.2. Lũy kế công tác nghiệm thu thanh quyết toán kết quả dồn điền, đổi thửa đến hết tháng 7 năm 2018**

Tính đến hết tháng 7 năm 2018 toàn huyện đã thực hiện và nghiệm thu xong công tác dồn điền đổi thửa được 30 thôn (32 lượt thôn) trên địa bàn 10 xã với diện tích 1743,44ha (thôn Dĩnh Sơn xã Trung Sơn; thôn Đồng Niên, thôn Râm và thôn Cầu xã Tự Lập; thôn Khả Lý Hạ, Khả Lý Thượng xã Quảng Minh; thôn Ngân Sơn, thôn Chùa xã Minh Đức; thôn Phúc Ninh, thôn Nội Ninh xã Ninh Sơn; thôn 3, thôn 4, thôn 5 xã Việt Tiến; thôn Lương Tài, thôn Kim Sơn xã Tiên Sơn; thôn Đồn Lương, thôn Vàng, thôn Tự, thôn Kiều, thôn Thượng, thôn Văn Xá xã Bích Sơn; thôn Nguộn, thôn Ruồng, thôn Thượng, thôn Kim Sơn, thôn Hà Thượng, thôn Chăm xã Thượng Lan; thôn Xuân Minh, thôn Đồng Sơn, thôn Tam Hợp xã Hương Mai; trong đó thôn Lương Tài, xã Tiên Sơn và Thôn Tam Hợp xã Hương Mai chia thành 2 giai đoạn).

## **2.3. Kết quả đo đạc, cấp giấy chứng nhận sau dồn điền đổi thửa**

Đối với 30 thôn (32 lượt thôn) trên địa bàn 10 xã đã thực hiện xong công tác dồn điền, đổi thửa (trong đó có 28 thôn với 30 lượt thôn thực hiện trong giai đoạn 2014-2016; 2 thôn thực hiện trong năm 2017), UBND huyện đã chỉ đạo tập trung đo đạc chỉnh lý bản đồ và đẩy nhanh công tác cấp GCNQSD đất sau dồn điền cho người dân với tổng diện tích cần đo đạc là 1915,17 ha và đã đo đạc xong 100% diện tích.

Tổng số thửa đất cần cấp sau đo đạc chỉnh lý, dồn điền đổi thửa là 15.378 thửa với diện tích là 1727,05 ha. Đến nay số thửa đất đã được kê khai lập hồ sơ cấp GCN là 11.806 thửa (đạt 76,77%), còn lại số thửa chưa kê khai là 3.572 thửa. Tiến độ cụ thể đối với các thửa đất đã kê khai như sau:

- Số thửa đất đã được cấp GCN là 10.092 GCN tương ứng với diện tích 911,59 ha.
- Số hồ sơ đã xét duyệt đủ điều kiện cấp GCN, đang trình là 13 hồ sơ tương ứng với diện tích 28 ha.
- Số hồ sơ đang xét duyệt là 661 hồ sơ tương ứng với diện tích 47,35 ha;
- Số hồ sơ đang hoàn thiện để xét duyệt là 1040 hồ sơ tương ứng với diện tích 138,26 ha;

(Chi tiết có biểu 03 kèm theo)

## **3. Công tác quản lý đất công ích tại địa phương**

Thực hiện sự chỉ đạo của Huyện ủy, UBND huyện chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của huyện tổ chức kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất công ích, việc thu ngân sách từ việc giao thầu đất công ích; đồng thời chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường thường xuyên tổ chức giao ban cán bộ địa chính các xã, thị trấn nhằm tăng cường công tác quản lý đất đai nói chung và quản lý đất công ích nói riêng đi vào nề nếp.

Trên địa bàn huyện đã triển khai công tác dồn điền đổi thửa, công tác này đã tạo điều kiện thuận lợi để quỹ đất công ích tập trung, từ đó quản lý và sử dụng quỹ đất được tốt và hiệu quả hơn.

UBND huyện chỉ đạo UBND các xã, thị trấn rà soát, thống kê phân loại từng thửa đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích theo hiện trạng sử dụng đất tại các xã, thị trấn đang quản lý; xử lý thu hồi các diện tích đất đã cho thuê, cho mượn, bị lấn chiếm trái phép và tổ chức cắm mốc, đo đạc, xác lập pháp lý quỹ đất công ích do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý. Phòng Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn các xã, thị trấn lập sổ quản lý đất công ích để thuận tiện trong việc quản lý, cập nhật biến động và bàn giao các thửa đất công ích thay đổi lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cán bộ địa chính.

- Tổng diện tích đất nông nghiệp của huyện: 11.849,93 ha .

- Đất công ích của toàn huyện tính đến thời điểm 31/12/2017 còn lại là: 376,54 ha, đạt tỷ lệ 3,17 % so với đất nông nghiệp.

*(chi tiết theo biểu 04)*

Thực hiện sự chỉ đạo của UBND tỉnh theo thông báo Kết luận số 136/TB-UBND ngày 25/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh, UBND huyện đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn tiếp tục triển khai thực hiện theo Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 05/3/2014 của UBND huyện về việc quản lý, sử dụng đất công ích (*đất 5%*) trên địa bàn huyện, phân đầu hoàn thành việc lập hồ sơ quản lý đất công ích trong năm 2019. Đồng thời tăng cường công tác thanh tra Nhà nước về lĩnh vực đất đai trong đó có nội dung quản lý quỹ đất công ích, qua thanh tra, kiểm tra phát hiện một số diện tích đất mặt nước ao, hồ mà UBND cấp xã không quản lý được, để các thôn tự ý giao khoán trái thẩm quyền. Do đó, UBND huyện đã chỉ đạo UBND cấp xã tiến hành thanh lý và tiến hành các thủ tục ký lại hợp đồng theo quy định của Luật đất đai.

Hiện nay, UBND huyện Việt Yên chưa bố trí kinh phí để đầu tư cho công tác thống kê, rà soát, quản lý đất công ích.

**4. Việc tổ chức thực hiện các nội dung Công văn số 2047/UBND-TN ngày 26/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh**

UBND huyện chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND các xã, thị trấn tiến hành kiểm tra, rà soát các dự án đã triển khai thực hiện nhưng chưa đầy đủ thủ tục pháp lý về đất đai trong lĩnh vực giao, cho thuê, thu hồi giải phóng mặt bằng, đấu giá quyền sử dụng đất. Qua rà soát trên địa bàn huyện có 6 dự án chưa đầy đủ thủ tục pháp lý về đất đai (*chi tiết theo biểu 05 kèm theo*).

**III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC; NHỮNG TỒN TẠI KHÓ KHĂN VƯỚNG MẮC; NGUYÊN NHÂN**

**1. Công tác cấp Giấy chứng nhận QSDĐ ở lần đầu**

**1.1. Đánh giá kết quả đạt được:**

UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn thực hiện rà soát, phân loại các trường hợp chưa được cấp giấy chứng nhận và xây dựng kế hoạch tổ chức kê khai, lập hồ sơ cấp GCN QSDĐ cho các hộ gia đình, cá nhân theo đúng quy trình, quy định của pháp luật.

Tuy nhiên cơ bản các xã, thị trấn mới thực hiện bước rà soát số thửa đất chưa được cấp GCN QSDĐ và hướng dẫn các hộ kê khai đăng ký, tiến độ triển khai lập hồ sơ và xét đề trình cấp GCN QSDĐ chậm, số trường hợp đã cấp còn hạn chế.

### ***1.2. Những tồn tại, khó khăn vướng mắc, nguyên nhân:***

- Nhận thức của một bộ phận nhân dân về chính sách, pháp luật đất đai, về công tác cấp GCN quyền sử dụng đất còn hạn chế; chưa ý thức đầy đủ quyền và nghĩa vụ của công dân. Nhiều trường hợp không hợp tác trong việc kê khai, hoàn thiện hồ sơ cấp GCN quyền sử dụng đất.

- Một số xã, thị trấn còn chưa nâng cao vai trò, trách nhiệm trong việc chỉ đạo triển khai thực hiện ở địa phương, còn có tư tưởng thụ động theo hướng chờ người dân đến kê khai, đăng ký hoặc ỷ nại vào sự hướng dẫn của huyện.

- Công tác quản lý nhà nước về đất đai những năm trước còn nhiều hạn chế, có nhiều vi phạm không được xử lý kịp thời triệt để. Trong khi đó hồ sơ lưu trữ liên quan đến công tác quản lý đất đai không đảm bảo tính thống nhất, đầy đủ. Do đó việc xác định các yếu tố liên quan đến thửa đất để xử lý cấp GCN gặp nhiều khó khăn, nhất là về nguồn gốc và chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính.

- Hệ thống văn bản pháp luật những năm gần đây ngày càng được hoàn thiện theo hướng chặt chẽ và đầy đủ hơn. Tuy nhiên các tình tiết phát sinh trên thực tế cũng ngày càng đa dạng, phức tạp. Do đó xảy ra tình trạng không phù hợp giữa thực tế pháp sinh với văn bản pháp luật nhưng không được hoặc khó điều chỉnh bổ sung kịp thời. Quá trình triển khai thực hiện khó vận dụng xử lý đối với nhiều trường hợp cụ thể như:

+ Các trường hợp đổi đất (*17 trường hợp, thôn đổi làm công trình công cộng đình, chùa, đường, hồ chứa nước hoặc xây dựng đường gom khu công nghiệp Quang Châu; có trường hợp có giấy tờ, có trường hợp không có giấy tờ; tại thời điểm hiện tại nếu tổ chức hội nghị dân chính thì tất cả các thành phần am hiểu đều thống nhất xác nhận nguồn gốc đổi đất*): theo quy định phải xử lý như đối với trường hợp giao trái thẩm quyền và phải nộp tiền sử dụng đất theo Điểm c Khoản 1 Điều 8 Nghị định 45/2014/NĐ-CP (*điểm c khoản 1 điều 8 ND 45 là không có giấy tờ chứng minh đã nộp tiền để được sử dụng đất thì trong hạn mức nộp 40% nếu trước 15/10/1993 và 50% nếu từ 15/10/1993 đến 1/7/2004; nộp 100% diện tích vượt hạn mức cho cả 2 giai đoạn*). Do đó, người sử dụng đất không đồng thuận.

+ Các trường hợp giao đất trái thẩm quyền trước 01/7/2004 nhưng thời điểm giao không thu tiền (*giao theo chính sách đông cặp vợ chồng, hộ nghèo, hộ chính sách....*). Theo quy định phải xử lý như đối với trường hợp giao trái thẩm quyền không có giấy tờ chứng minh nộp tiền phải nộp tiền sử dụng đất theo Điểm c Khoản 1 Điều 8 Nghị định 45/2014/NĐ-CP. Do đó người sử dụng đất không đồng thuận và khó thực hiện ở cơ sở nhất là đối với trường hợp giao trước 15/10/1993 khi cấp GCN theo Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì không phải nộp tiền sử dụng đất, khi xử lý cấp GCN theo Điều 8 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP và Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì phải nộp tiền sử dụng đất. Tạo nên sự không công bằng và tiềm ẩn việc lập hồ sơ không đúng thực tế nguồn gốc.

+ Các trường hợp giao đất trái thẩm quyền từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014, xử lý theo Khoản 1 Điều 9 Nghị định 45/2014/NĐ-CP không được xem xét đối trừ tiền sử dụng đất đã nộp nên các hộ không đồng thuận; Trường hợp giao đất trái thẩm quyền trong giai đoạn này nhưng hiện trạng sử dụng đất chưa có nhà ở không đủ điều kiện cấp GCN QSDĐ vào mục đích đất ở nhưng sau một thời gian các hộ gia đình, cá nhân xây dựng công trình nhà ở và tiếp tục đề nghị xem xét cấp GCN QSDĐ ở lại đủ điều kiện cấp (*quy định hiện hành không quy định và giới hạn về thời điểm xây dựng công trình*) tạo nên sự không công bằng giữa các trường hợp giao đất trái thẩm quyền có nhà và chưa có nhà.

+ Các trường hợp tự ý chuyển mục đích sử dụng đất từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014 hiện không có quy định về việc thu tiền sử dụng đất khi cấp giấy chứng nhận QSDĐ tại Nghị định số 45/2014/NĐ-CP nên khó thực hiện.

## **2. Về công tác dồn điền đổi thửa**

### **2.1. Thuận lợi**

- Công tác dồn điền đổi thửa được các cấp, các ngành từ tỉnh, huyện đến xã và các thôn quan tâm tập trung chỉ đạo và đầu tư về nguồn nhân lực, kinh phí hỗ trợ.

- Đại bộ phận nhân dân nhất là người trực tiếp sản xuất nông nghiệp hiểu rõ hạn chế khó khăn trong sản xuất nông nghiệp những năm trước cũng như lợi ích của công tác dồn điền đổi thửa trong việc cơ giới hóa và hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn. Do đó chủ trương dồn điền đổi thửa được hầu hết người dân đồng thuận ủng hộ và phối hợp trong quá trình thực hiện ở địa phương.

- Hiệu quả trong sản xuất ở những vùng dồn điền đổi thửa giai đoạn 2013-2016 có sức ảnh hưởng tích cực đến tâm lý của người dân các khu vực triển khai dồn điền đổi thửa giai đoạn 2017-2018.

### **2.2. Những tồn tại, hạn chế trong việc dồn điền đổi thửa, cấp GCN**

- Nhìn chung tiến độ thực hiện còn chậm so với yêu cầu và kế hoạch xây dựng, nhất là công tác nghiệm thu thanh quyết toán kinh phí thực hiện.

- Quá trình thực hiện dồn điền đổi thửa giai đoạn 2013-2015 cơ bản giao đất thực địa bằng phương pháp thủ công khi đo đạc chỉnh lý bản đồ để cấp GCN QSDĐ, diện tích các thửa cơ bản có sự tăng, nhiều thôn cắt ra làm đất công ích nên nhân dân không đồng thuận và gây khó khăn trong việc quản lý diện tích đất công ích trên địa bàn.

### **2.3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế**

- Đối với việc chậm tiến độ và chưa đạt tỷ lệ thực hiện theo kế hoạch xây dựng:

+ Việc đăng ký không sát thực tế nên một số thôn đăng ký và xây dựng kế hoạch nhưng không thực hiện được.

+ Năng lực trình độ của một số cán bộ là thành viên trong Tiểu ban ĐDDT của thôn còn nhiều hạn chế trong việc tính toán xây dựng phương án, không am hiểu đồng ruộng và hạn chế trong tổ chức triển khai thực hiện...

+ Còn một số xã chưa sát sao, chưa xác định đầy đủ trách nhiệm trong chỉ đạo thực hiện dồn điền đổi thửa trên địa bàn, còn biểu hiện phó mặc cho thôn, tiểu ban, đơn vị tư vấn.

+ Việc dồn điền đổi thửa liên quan đến quyền lợi của nhiều người dân, một số thôn vẫn còn tình trạng né tránh, ngại va chạm.

- Công tác kê khai, cấp GCN QSD đất sau dồn điền đổi thửa gặp một số khó khăn: Người dân không cung cấp được GCN cũ, diện tích đo đạc sau dồn điền tăng, phải kiểm tra xác minh và nhân dân không đồng thuận việc thôn tính cắt trừ ra thành đất công ích.

### **3. Công tác quản lý đất công ích tại địa phương**

#### **3.1. Kết quả đạt được**

- Thời gian gần đây, các cấp chính quyền có quan tâm hơn đến công tác quản lý đất công ích bằng nhiều giải pháp cụ thể; các cấp có nhận thức tốt hơn về quản lý đất công ích, công tác quản lý công ích được tăng cường hơn, đi vào nề nếp hơn.

- Việc sử dụng quỹ đất công ích ngày càng có hiệu quả tạo được nguồn thu cho ngân sách.

- Cơ bản đã toàn bộ diện tích đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích đất công ích đã được giao thầu cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng, tránh tình trạng để hoang hóa, lãng phí đất.

- Có sự tập trung cao, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện Ủy, UBND huyện, hướng dẫn của Phòng Tài nguyên và Môi trường đối với các xã, thị trấn trong việc quản lý quỹ đất công ích để sử dụng đúng mục đích đạt hiệu quả cao.

#### **3.2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân**

*\* Tồn tại, hạn chế:*

- Mặc dù, UBND huyện đã chỉ đạo, hướng dẫn và đôn đốc nhắc nhở đối với cấp xã, cơ quan chuyên môn nhưng kết quả của việc xác lập pháp lý cho các thửa đất thuộc quỹ đất công ích chưa đảm bảo theo yêu cầu, chưa kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền, nhất là cấp xã chưa quan tâm thực hiện một cách nghiêm túc.

- UBND một số xã chưa quan tâm đúng mức công tác thống kê, quản lý quỹ đất công ích thuộc địa bàn quản lý nên dẫn đến tình trạng quản lý còn chủ quan. Chưa thực hiện thường xuyên rà soát, kiểm kê trên thực địa và hồ sơ địa chính để thiết lập danh mục về vị trí, diện tích, loại đất, tình trạng sử dụng các loại đất công cộng, đất công ích, đất chưa sử dụng, mới chỉ theo dõi trên hồ sơ lập bộ thuế đến nay nên có nhiều biến động chưa được chỉnh lý. Một số xã diện tích đất công ích vẫn còn manh mún do đó gây khó khăn cho việc khoán thầu canh tác và công tác quản lý, sử dụng.

- Trong công tác giải quyết, xử lý thu hồi các thửa đất công cho thuê, cho mượn, bị lấn chiếm còn nhiều hạn chế do công tác quản lý, sử dụng đối với các thửa đất này của Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn còn lỏng lẻo kéo dài qua nhiều năm, việc xử lý thiếu kiên quyết và không giải quyết hết trách nhiệm thẩm quyền theo quy định, còn trông chờ vào sự hỗ trợ của cấp trên.

- Đất đai có nguồn gốc và quá trình sử dụng phức tạp, lâu dài, tình trạng quản lý nhà nước về đất đai trong thời gian trước đây còn lỏng lẻo, thiếu chặt chẽ, đặc biệt là đối với công tác quản lý quỹ đất công ích.



- Các xã, thị trấn chưa rà soát tổng hợp và xử lý dứt điểm những trường hợp giao trái thẩm quyền, cho thuê quá thời hạn quy định, sử dụng đất sai mục đích...; Tình hình lấn, chiếm đất công vẫn còn xảy ra tại một số địa phương.

*\* Nguyên nhân:*

- Ủy ban nhân dân cấp xã còn trông chờ vào ý kiến chỉ đạo của cấp trên, thậm chí có một số xã không xác định được thẩm quyền quản lý đất đai ở địa bàn. Chủ tịch Ủy ban nhân dân và cán bộ địa chính cấp xã thay đổi qua nhiều thời kỳ, bàn giao hồ sơ, sổ sách liên quan đến quỹ đất của nhà nước chưa rõ ràng, cụ thể, nhiều nơi chưa chính lý biến động kịp thời hoặc không nắm được diễn biến nguồn gốc đất trong quá trình sử dụng.

- Chưa theo dõi chặt chẽ, kiểm tra định kỳ và đề xuất giải quyết từng trường hợp cụ thể, chủ yếu là tổng hợp số liệu từ cấp xã chuyển lên. Cán bộ địa chính một số xã chưa phát huy hết vai trò trách nhiệm trong việc tham mưu cho UBND xã trong công tác quản lý đất đai ở địa phương, chưa làm rõ trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm người đứng đầu trong quản lý nhà nước về đất công ích.

- Các xã, thị trấn chưa tập trung trong công tác quản lý, sử dụng đất công ích một cách chặt chẽ, hiệu quả, đúng quy định.

- Còn nhiều thôn trên địa bàn các xã chưa thực hiện công tác dồn điền đổi thửa dẫn đến diện tích đất công ích còn manh mún gây khó khăn trong công tác quản lý.

- Do những tồn tại từ trước đây như: Thôn giao trái thẩm quyền, cho thuê quá thời hạn quy định, sử dụng đất sai mục đích... vẫn chưa được xử lý dứt điểm.

- Công tác bàn giao khi có thay đổi cán bộ lãnh đạo hoặc cán bộ địa chính chưa tốt nên người mới không nắm rõ nguồn gốc đất dẫn đến khó quản lý diện tích đất công ích.

- Do trước đây, trong quá trình thực hiện việc giao đất nông nghiệp ổn định, lâu dài cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng vào mục đích nông nghiệp một số xã không bớt diện tích đất công ích, vì vậy khi có chỉ đạo phải bớt quỹ đất công ích các xã đã bỏ diện tích đất theo tỷ lệ nằm trong diện tích đất đã giao cho các hộ gia đình. Một số diện tích đất công ích để là diện tích ao, chiêm trũng khó canh tác vì vậy hiệu quả sử dụng thấp.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường chưa tích cực hướng dẫn, kiểm tra công tác rà soát, thống kê, lập hồ sơ quản lý quỹ đất công ích của các xã, thị trấn.

- Việc bố trí kinh phí bố trí cho công tác rà soát thiết lập hồ sơ quản lý đất công ích còn gặp khó khăn nên khó chỉ đạo thực hiện hiệu quả việc rà soát đưa vào quản lý chặt chẽ quỹ đất công ích.

**4. Việc tổ chức thực hiện các nội dung Công văn số 2047/UBND-TN ngày 26/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh**

#### **4.1. Kết quả đạt được**

Thời gian qua, công tác quản lý Nhà nước về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn huyện đã dần đi vào nề nếp, nâng cao hiệu quả sử dụng đất và giải quyết nhu cầu sử dụng đất cho phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh. Trình tự, thủ tục liên quan đến giao, cho thuê, chuyển mục đích sử dụng đất và xác định nhu cầu sử dụng đất cơ bản đã

được lồng ghép với các thủ tục về đầu tư, xây dựng, môi trường ngay từ khâu chấp thuận dự án đầu tư đến khâu bồi thường, giải phóng mặt bằng nhằm cải cách thủ tục hành chính, giảm thiểu thời gian thực hiện; cơ chế một cửa, một cửa liên thông được áp dụng triệt để do đó tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp khi thực hiện các giao dịch liên quan đến đất đai; các tổ chức sử dụng đất sớm có mặt bằng thực hiện các dự án.

#### **4.2. Tôn tại và nguyên nhân**

- Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn dẫn đến hoàn thiện các thủ tục để chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê bị kéo dài do các dự án cho thuê đất để sản xuất kinh doanh ngoài khu, cụm công nghiệp trên địa bàn huyện chủ yếu nhà đầu tư phải tự nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thỏa thuận về mức giá bồi thường; ngoài ra còn có một số nhà đầu tư sau khi được chấp thuận chủ trương đầu tư không phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc thực hiện các thủ tục về đất đai.

- Một số dự án mang tính cấp bách cần tập trung triển khai hoàn thiện trong thời gian ngắn. Do đó còn một số thủ tục pháp lý về đất đai chưa đầy đủ chặt chẽ theo quy định.

- Pháp luật về đất đai còn chưa quy định được hết các trường hợp xảy ra trên thực tế để xử lý đối với tất cả các trường hợp; sự điều chỉnh của các pháp luật có liên quan ngoài pháp luật đất đai dẫn đến phát sinh thêm thủ tục hành chính, thời gian thực hiện các thủ tục về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất bị kéo dài.

- Năng lực tài chính nhiều nhà đầu tư còn hạn hẹp nên chưa triển khai được các hạng mục công trình và đưa dự án vào hoạt động theo đúng tiến độ; nhiều nhà đầu tư còn có biểu hiện đầu cơ để chuyển nhượng kiếm lời, cố tình không chấp hành quy định của pháp luật về đất đai, đầu tư.

### **IV. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ**

#### **1. Công tác cấp Giấy chứng nhận QSDĐ ở lần đầu**

Đề nghị xem xét cho ý kiến tháo gỡ đối với các vướng mắc đã nêu theo hướng sau:

- Đối với trường hợp đổi đất cho tập thể xây dựng công trình công cộng áp dụng cấp giấy chứng nhận QSDĐ như các trường hợp giao trái thẩm quyền không có giấy tờ chứng minh đã nộp tiền sử dụng đất để xử lý thu tiền sử dụng đất khi cấp GCN QSDĐ theo Điều 8 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP.

- Đối với các trường hợp giao đất trái thẩm quyền trước ngày 15/10/1993 không có giấy tờ về quyền sử dụng đất (*không thu tiền sử dụng đất, không lưu trữ được giấy tờ*) xem xét cho phép vận dụng xử lý như đối với trường hợp đất sử dụng ổn định không vi phạm pháp luật đất đai để cấp GCN QSDĐ theo Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ không thu tiền sử dụng đất.

- Có văn bản hướng dẫn xử lý thu tiền sử dụng đất đối với trường hợp tự ý chuyển mục đích sử dụng đất từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014 theo hướng xem xét vận dụng như trường hợp lấn chiếm cùng thời điểm (*vận dụng Khoản 1 Điều 9 Nghị định 45/2014/NĐ-CP khi xử lý thu tiền sử dụng đất để cấp GCN QSDĐ*).

## 2. Về công tác dồn điền đổi thửa

Có cơ chế phân bổ kinh phí ngân sách hỗ trợ công tác đo đạc chỉnh lý bản đồ và cấp đổi GCN QSD đất sau dồn điền, đổi thửa.

## 3. Công tác quản lý đất công ích tại địa phương

- Đầu tư kinh phí để xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính. Từ đó phục vụ tốt cho công tác quản lý đất đai và theo dõi, cập nhật thông tin, số liệu, chỉnh lý biến động.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng quỹ đất công ích của xã, phường; nhất là các trường hợp sử dụng quỹ đất công ích cho các mục đích khác không đúng quy định của pháp luật để đảm bảo quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả quỹ đất này.

## 4. Việc tổ chức thực hiện các nội dung Công văn số 2047/UBND-TN ngày 26/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh

- Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các chủ đầu tư phối hợp với UBND các xã, thị trấn hoàn thiện hồ sơ về đất đai, đặc biệt là hồ sơ về chuyên mục đích sử dụng đất để giao đất, cho thuê đất đối với các dự án sử dụng mục đích công cộng, dự đường điện, dự án đường giao thông, thủy lợi...; đồng thời chấp hành nghiêm việc nộp tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 05/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 667/2016/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang.

- Đề nghị UBND tỉnh, các sở ban ngành kiểm tra, xem xét năng lực tài chính các nhà đầu tư trước khi trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư thực hiện dự án; đặc biệt không chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các nhà đầu tư có biểu hiện đầu cơ để chuyển nhượng kiếm lời, cố tình không chấp hành quy định của pháp luật về đất đai, đầu tư.

Trên đây là báo cáo công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện Việt Yên./.

### Nơi nhận:

- Đoàn kiểm tra (b/c);
- Lưu: VT.

### Bản điện tử:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan: Thanh tra, TNMT, NN&PTNT;
- LĐVP, CVTH.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Phương



BIỂU 01: TỔNG HỢP KÊ KHAI ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI, CẤP GCN ĐẤT Ở ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG HỢP CHƯA ĐƯỢC CẤP GCN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT LẦN ĐẦU (TÍNH ĐẾN THÁNG 7/2018)

Báo cáo số: 297 /BC-UBND ngày 10 /8/2018 của UBND huyện Việt Yên

STT	Xã, thị trấn	Tổng số trường hợp	Kê khai đăng ký				Cấp Giấy chứng nhận				Ghi chú
			Đã kê khai đăng ký		Chưa kê khai đăng ký		Đã cấp			Chưa cấp	
			Số trường hợp	Tỷ lệ %	Số trường hợp	Tỷ lệ %	Số trường hợp	Diện tích	Tỷ lệ %		
1	2	3	4	5=4*100/3	6=3-4	7=6*100/3	8	9	10=8*100/4	11=4-8	12
1	Bích Động	82	56	68,29	26	31,71	12	1676,9	21,43	44	
2	Bích Sơn	176	175	99,43	1	0,57	2	691,1	1,14	173	
3	Hoàng Ninh	154	97	62,99	57	37,01	2	438	2,06	95	
4	Hồng Thái	116	95	81,90	21	18,10	13	3217,7	13,68	82	
5	Hương Mai	3	3	100,0	-	-	-	-	-	3	
6	Minh Đức	212	31	14,62	181	85,38	1	800	3,23	30	
7	Nénh	135	135	100	-	-	4	1377,5	2,96	131	
8	Nghĩa Trung	240	80	33,33	160	66,67	-	-	-	80	
9	Ninh Sơn	118	118	100	-	-	-	-	-	118	
10	Quang Châu	120	9	7,50	111	92,50	5	1442,2	55,56	4	

STT	Xã, thị trấn	Tổng số trường hợp	Kê khai đăng ký				Cấp Giấy chứng nhận				Ghi chú
			Đã kê khai đăng ký		Chưa kê khai đăng ký		Đã cấp			Chưa cấp	
			Số trường hợp	Tỷ lệ %	Số trường hợp	Tỷ lệ %	Số trường hợp	Diện tích	Tỷ lệ %		
1	2	3	4	5=4*100/3	6=3-4	7=6*100/3	8	9	10=8*100/4	11=4-8	12
11	Quảng Minh	212	76	35,85	136	64,15	16	4.704,7	21,05	60	
12	Tăng Tiến	6	6	100	-	-	6	1.604,1	100	0	
13	Thượng Lan	112	112	100	-	-	1	148,1	0,89	111	
14	Tiên Sơn	48	15	31	33	68,75			-	15	
15	Trung Sơn	70	45	64,29	25	35,71	2	1.162,5	4,44	43	
16	Tự Lạn	88	79	89,77	9	10,23	3	873,0	3,80	76	
17	Vân Hà	60	60	100	-	-	5	443,1	8,33	55	
18	Vân Trung	150	88	58,67	62	41,33	4	1.696,8	4,55	84	
19	Việt Tiến	7	7	100	-	-	-	-	-	7	
<b>Tổng</b>		<b>2.109</b>	<b>1.287</b>	<b>61,02</b>	<b>822</b>	<b>38,98</b>	<b>76</b>	<b>20.275,7</b>	<b>5,91</b>	<b>1211</b>	

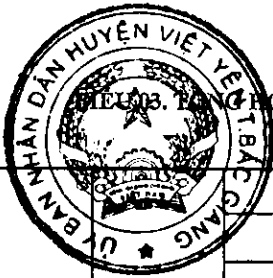


BIỂU SỐ 01/2018/HỢP-THÀNH-ĐỘ, KẾT QUẢ DÒN ĐIỀN, ĐỔI THỪA THEO KẾ HOẠCH 273/KH-UBND NGÀY 25/11/2016 ĐẾN THÁNG 7 NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số: 297 /BC-UBND ngày 10 /8/2018 của UBND huyện Việt Yên)

STT thôn	Xã, Thị trấn	Diện tích cần thực hiện theo KH số 273/KH-UBND của UBND tỉnh (ha)	Trong đó		Diện tích cần thực hiện theo KH số 171/KH-UBND của UBND huyện (ha)	Trong đó			Tổng diện tích trong và ngoài KH	Diện tích huyện đang thực hiện (ha)					Không thực hiện	Ghi chú	
			Năm 2017	Năm 2018		Năm 2017	Năm 2018	Diện tích phát sinh ngoài kế hoạch (năm 2017)		Tổng	Trong đó						
											Đã nghiệm thu	DT đã giao ruộng thực địa	Đang chỉnh trang, cải tạo đồng ruộng	Đang triển khai ở khâu xây dựng phương án			Chưa triển khai hoặc mới bắt đầu triển khai
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
Tổng cộng diện tích		750	350	400	775,3	374,5	400,8	25,67	800,97	287,64	146,97	140,67	-	-	-	599,6	
I	Hương Mai																
1	Đông Mối				19,3	19,3			19,3	32,5		32,5					Đang lập hồ sơ nghiệm thu
2	Thôn Tam Hợp gd 3				19	19			19							19	Đường mương được 80% ; trong giai đoạn nhân dân ý kiến nên không tiếp tục thực hiện nữa
II	Tiên Sơn																
3	Thượng Lát				101,5		101,5		101,5							101,5	Năm 2018
4	Kim Sơn				53	53			53	62,89	62,89						Đã nghiệm thu
III	Xã Trung Sơn																
5	thôn Quả				27		27		27							27	Không thực hiện
6	Ái Quang				50	50			50							50	Không thực hiện
IV	Thượng Lan																
7	thôn Châm				52,4	52,4			52,4	84,08	84,08						Đã nghiệm thu
8	Thôn Hạ				51	51			51	82,5		82,5					Đang lập hồ sơ nghiệm thu

STT thôn	Xã, Thị trấn	Diện tích cần thực hiện theo KH số 273/KH-UBND của UBND tỉnh (ha)	Trong đó		Diện tích cần thực hiện theo KH số 171//KH-UBND của UBND huyện (ha)	Trong đó			Tổng diện tích trong và ngoài KH	Diện tích huyện đang thực hiện (ha)					Không thực hiện	Ghi chú
			Năm 2017	Năm 2018		Năm 2017	Năm 2018	Diện tích phát sinh ngoài kế hoạch (năm 2017)		Tổng	Trong đó					
											Đã nghiệm thu	ĐT đã giao ruộng thực địa	Đang chỉnh trang, cải tạo đồng ruộng	Đang triển khai ở khâu xây dựng phương án		
9	Thôn Bói				86,6	86,6			86,6						86,6	Không tiếp tục thực hiện
V	Bích Sơn															
10	Tăng Quang				43,2	43,2			43,2						43,2	Đã thực hiện xong đường mương ; trong quá trình giao ruộng nhân dân ý kiến nên không tiếp tục thực hiện nữa
VI	Xã Tự Lạn															
11	Xuân Lâm				10,3		10,3		10,3						10,3	Không thực hiện, chuyển sang Quê Võ
12	thôn Đông				45		45		45					45		
13	Quê Võ				0			25,67	25,67	25,67		25,67				đang lập hồ sơ nghiệm thu
VII	Nghĩa Trung															
14	Yên Sơn				36		36		36						36	Không thực hiện
15	thôn Me				31		31		31						31	Không thực hiện
VIII	Ninh Sơn															
16	Cao Lôi				70		70		70						70	Không thực hiện
IX	Xã Minh Đức															
17	Thiết Nham				80		80		80						80	Không thực hiện



PHÓP KẾT QUẢ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN SAU DÒN ĐIỀN ĐỔI THỪA TÍNH ĐẾN THÁNG 7 NĂM 2018

Kèm theo Báo cáo số: 297 /BC-UBND ngày 10 /8/2018 của UBND huyện Việt Yên

Tiền độ đo đạc, cấp GCNQSDĐ sau dồn điền, đổi thửa																
Thứ tự xã	Lượt thôn	Xã, Thôn	Kết quả đã thực hiện	Đo đạc (ha)		Cấp GCN (giấy)										
				Diện tích cần đo đạc (ha)	Diện tích đã đo đạc (ha)	Số GCN cần cấp (giấy)	Tương ứng với diện tích (ha)	Số GCN đã cấp (giấy)	Tương ứng với diện tích (ha)	Số hồ sơ đã xét duyệt đủ điều kiện cấp GCN, đang trình	Tương ứng với diện tích (ha)	Số hồ sơ đang xét duyệt	Tương ứng với diện tích (ha)	Số hồ sơ đang lập đề xét duyệt	Tương ứng với diện tích (ha)	Số hồ sơ chưa kê khai
1	2	3	5	6	8	11	12	13	14	15	22	17	25	19	20	21
Tổng cả huyện			1743,474	1915,17	1915,17	15.378	1.713,50	10092	911,59	13	28	661	47,35	1.040	138,26	3.572
1		Xã Trung Sơn														
	1	Thôn Dĩnh Sơn	109,096	124,74	124,74	1.050	106,31	946	85,37					104	9,80	-
2		Xã Tự Lạn														
	2	Thôn Râm	104,570	103,11	103,11	509	94,70	412	34,00			97	4,28			-
	3	Thôn Cầu	29,650	32,98	32,98	190	30,20	167	14,20					8	0,70	15
	4	Thôn Đồng Niên	19,360	21,44	21,44	134	20,16	113	10,00					18	13,40	3
3		Xã Quảng Minh														
	5	thôn Khả Lý Hạ	50,600	49,1	49,10	916	46,90	581	13,26							335
	6	Thôn Khả Lý Thượng	121,270	157,84	157,84	2.000	145,00	511	19,84			231	8,43	192	6,92	1.066
4		Xã Minh Đức														
	7	Thôn Ngân Sơn	17,570	16,56	16,56	220	14,67	151	10,70					69	8,28	-
	8	Thôn Chùa	85,280	90,68	90,68	462	78,36	301	36,80			34	6,00	127	15,92	-
5		Xã Ninh Sơn														
	9	Thôn Phúc Ninh	38,220	35,5	35,50	341	32,71					132	10,10	168	15,40	41
	10	Thôn Nội Ninh	49,800	41,7	41,70	397	39,94					62	6,30			335
6		Xã Việt Tiến														
	11	Thôn 3	69,970	67,8	67,80	516	80,36	516	33,60							-
	12	Thôn 4	61,580	85,3	85,30	742	63,83	574	46,70					62	4,18	106
	13	Thôn 5	64,640	86,1	86,10	533	81,02									533



Thứ tự xã	Lượt thôn	Xã, Thôn	Kết quả đã thực hiện	Tiến độ đo đạc, cấp GCNQSDĐ sau dồn điền, đổi thửa													
				Đo đạc (ha)		Cấp GCN (giấy)											
				Diện tích cần đo đạc (ha)	Diện tích đã đo đạc (ha)	Số GCN cần cấp (giấy)	Tương ứng với diện tích (ha)	Số GCN đã cấp (giấy)	Tương ứng với diện tích (ha)	Số hồ sơ đã xét duyệt đủ điều kiện cấp GCN, đang trình	Tương ứng với diện tích (ha)	Số hồ sơ đang xét duyệt	Tương ứng với diện tích (ha)	Số hồ sơ đang lập để xét duyệt	Tương ứng với diện tích (ha)	Số hồ sơ chưa kê khai	
7		<b>Xã Tiên Sơn</b>															
	14	Lương Tài giai đoạn 1	28,700	63,56	63,56	930	56,88	288	19,16								642
	15	Lương Tài giai đoạn 2	21,72														
	16	Kim Sơn	62,89	60,33	60,33	640	53,14	352	25,50								288
8		<b>Xã Bích Sơn</b>							0,00								
	17	Thôn Đồn Lương	80,260	90,7	90,70	369	83,22	315	54,31					37	22,10		17
	18	Thôn Vàng	45,030	55,9	55,90	485	52,13	383	29,08			5	0,37	85	6,95		12
	19	Thôn Tự	34,050	42,57	42,57	351	36,51	283	25,78					68	20,67		
	20	Thôn Kiều	30,000	40,6	40,6	165	40,60	139	23,50								26
	21	Thôn Thượng	35,243	46,74	46,74	450	42,60	425	30,50					24	2,84		1
	22	Thôn Văn Xá	48,015	46,54	46,54	488	38,06	465	31,00			23	1,50				
9		<b>Xã Thượng Lan</b>															
	23	Thôn Nguồn	55,160	57	57,00	362	46,57	362	43,60								
	24	Thôn Ruồng	110,780	112,6	112,60	610	104,94	476	66,40			72	9,80	62	9,00		
	25	Thôn Thượng	96,540	100,2	100,20	484	96,46	477	73,70								7
	26	Thôn Kim Sơn	46,600	48,5	48,50	248	37,61	234	32,59					14	1,89		
	27	Thôn Hà Thượng	73,690	78,6	78,6	428	68,61	384	46,70	13	28						31
	28	Châm	84,080	75,78	75,78	589	68,41	470	44,20			5					114
10		<b>Xã Hương Mai</b>															
	29	Thôn Xuân Minh	11,740	18,1	18,10	128	12,04	128	10,40								
	30	Thôn Đồng Sơn	21,270	26,2	26,20	243	20,78	243	17,92								
	31	Thôn Tam Hợp gd 1	19,900	19,4	19,40	245	20,78	245	18,59								
	32	Thôn Tam Hợp gd 2	16,200	19	19,00	153		151	14,20					2	0,21		



4: TỔNG HỢP TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT CÔNG ÍCH

Kèm theo báo cáo số: 297 /BC-UBND ngày 18/2018 của UBND huyện Việt Yên

STT	Xã, thị trấn	Tổng số thửa	Tổng diện tích đất công ích (ha)	Diện tích đất đã quản lý được (ha)	Tỷ lệ % diện tích đất đã quản lý	Diện tích đất công ích đã cho thuê								Kinh phí đã bố trí công tác rà soát (đồng)	Ghi chú	
						Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng				Tổ chức đang sử dụng						
						Tổng số		Trong đó có hợp đồng		Tổng số		Trong đó có hợp				
						Số lượng hộ gia đình, cá nhân	Diện tích (ha)	Số lượng hộ gia đình, cá nhân	Diện tích (ha)	Số lượng tổ chức	Diện tích (ha)	Số lượng tổ chức	Diện tích (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	
1	Quang Châu	845	8,48	8,48	100%	833	5,84	833	5,84	7	2,64	7	2,64	UBND huyện chưa bố trí kinh phí		
2	Bích Sơn	39	14,66	14,25	97,2%	39	14,25	38	14,23							
3	Hồng Thái	197	23,33	17,44	74,8%	155	14,19			5	3,25	5	3,25			
4	Minh Đức	551	31,5	31,5	100%	17	16,15			15	15,35					
5	Thượng Lan	143	33,17	33,17	100%	28	33,17	13	2,92							
6	Trung Sơn	135	21,54	21,54	100%	12	21,54									
7	Tăng Tiến	1373	10,30	10,25	99,5%	1372	9,49			1	0,76					
8	Quảng Minh	127	23,17	23,17	100%	92	23,17	71	20,97							
9	Ninh Sơn	225	22,8	22,2	97,4%	225	22,2	196	16,9							
10	Vân Trung	1135	18,3	18,3	100%	1135	18,3	11	1,03							
11	Tự Lạn	322	23,01	23,01	100%	281	23,01									
12	Nênh	624	19,75	19,75	100%	299	11,65	267	10,68	3	8,1					
13	Việt Tiến	457	31,3	31,3	100%	457	31,3									
14	Hương Mai	516	25,47	25,47	100%	516	25,47	19	3,03							
15	Vân Hà	279	18,8	18,8	100%	204	15,66	31	2,22	1	3,14	1	3,14			
16	Bích Động	47	5,12	5,12	100%	47	5,12	41	4,05							
17	Hoàng Ninh	15	16,9	16,9	100%	11	16,9	11	16,9							
18	Tiên Sơn	382	10,81	10,81	100%	370	9,33	5	1,16	7	1,48					
19	Nghĩa Trung	450	18,13	18,13	100%	450	19,85	46	6,36							
	<b>Tổng</b>	<b>7862</b>	<b>376,54</b>	<b>369,59</b>	<b>98,2%</b>	<b>6543</b>	<b>336,59</b>	<b>1582</b>	<b>106,29</b>	<b>39</b>	<b>34,72</b>	<b>13</b>	<b>9,03</b>			

**BIỂU 05: TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CÓ THU HỒI ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT  
NHƯNG CHƯA HOÀN THIỆN THỦ TỤC VỀ ĐẤT ĐAI**

(Kèm theo Báo cáo số: 297 /BC-UBND ngày 10 /11/2018 của UBND huyện Việt Yên)

STT	Tên công trình, Dự án	Địa chỉ (thôn)	Diện tích thực hiện dự án, công trình (m2)	Mục đích sử dụng		Thủ tục về đất đai						Ghi chú	
				Trước khi thực hiện công trình, dự án	Hiện tại	Đã phù hợp QH	Chưa phù hợp QH	Đã có QĐ thu hồi	Đã có QĐ CMEĐ SDD	Chưa có QĐ CMEĐ SDD	Đã giao đất, cho thuê đất		Chưa giao đất, cho thuê đất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	KCN Quang Châu đường dây 110kv, xã Hoàng Ninh (đợt 2)	Hoàng Ninh	1.988	Đất NN	Đất năng lượng	x		684/QĐ-UBND ngày 11/7/2017		x			
	KCN Quang Châu đường dây 110kv, thị trấn Nénh (đợt 2)	Nénh	3.022	Đất NN	Đất năng lượng	x		686/QĐ-UBND ngày 11/7/2017					
2	Thu hồi thực hiện dự án: XD Nhà văn hóa Cao Lôi, xã Ninh Sơn	Ninh Sơn	3343,80	Đất NN	nhà văn hóa	x		826/QĐ-UBND ngày 3/11/2016		x			
3	Mở rộng trường Mầm non Quang Châu số 1, xã Quang Châu	Quang Châu	1.982,0	Đất NN	Đất giáo dục	x		799/QĐ-UBND ngày 03/8/2017		x			
4	Xây dựng khuôn viên cây xanh nghĩa trang thôn Ninh Khánh	TT Nénh	5915,10	Đất NN	đất nghĩa trang, nghĩa địa	x		1103/QĐ-UBND ngày 1/9/2015		x			
5	XD Kênh tiêu Đồng Láng, Bờ Cò, Ao ngoài thôn Như Thiết và thôn Hùng Lãm 3	Hồng Thái	1538,50	Đất NN	Đất sông ngòi	x		57/QĐ-UBND ngày 27/01/2016		x			
6	Thu hồi thực hiện dự án: XD Kênh tiêu về Trạm bơm Giá Sơn, xã Ninh Sơn	Ninh Sơn	1581,70	Đất NN	Đất sông ngòi	x		855/QĐ-UBND ngày 14/11/2016		x			
<b>Tổng</b>			<b>19370,70</b>							<b>6</b>			